|  |  |
| --- | --- |
| **HỌC VIỆN TÀI CHÍNH****Bộ môn:** Ngoại ngữ **Khoa:** Ngoại ngữ |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Tên học phần/môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN 1**

**Chuyên ngành đào tạo:** Các chuyên ngành

**Chương trình đào tạo** (Đại trà/Chất lượng cao):Đại trả

**1. Thông tin chung về học phần**

***1.1. Mã số học phần:*** *350 – Tiếng Anh cơ bản 1*

***1.2. Số tín chỉ:*** 03 tín chỉ ***Tống số tiết giảng:*** *60 (trong đó gồm: 3 tiết HTMH)*

***1.3. Thuộc chương trình đào tạo trình độ:*** *A2****, hình thức đào tạo****:Chính quy*

***1.4. Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn):*** *Bắt buộc*

***1.5. Điều kiện về học phần học trước:*** Tiếng Anh ở bậc phổ thông

***1.6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:*** 60

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **- Tổng giờ lên lớp:**  | 48 | tiết |
| Trong đó: Nghe giảng lý thuyết: | 18 | tiết |
|  Làm bài tập trên lớp: | 15 | tiết |
|  Thảo luận nhóm: | 10 | tiết |
|  Thực hành, thí nghiệm, thực tập (ở cơ sở,...): | 3 | tiết |
|  Bài kiểm tra: | 2 | tiết |
|  **- Giờ tự học:** ……………………………………………..……. | 12 | tiết |

**2. Mục tiêu của học phần** *(là kết quả học tập mong đợi người học đạt được)*

Mục tiêu chính của học phần này là nhằm giúp sinh viên thực hành đồng thời 4 kỹ năng thực hành tiếng: Nghe – Nói – Đọc – Viết ở trình độ Elementary (tương đương với cấp độ A2). Bên cạnh đó học phần tiếng Anh cơ bản cũng nhằm mục tiêu giúp người học phát huy khả năng phân tích và giải quyết một số tình huống đơn giản mang tính thực tế.

Sau khi kết thúc học phần, trình độ ngôn ngữ của sinh viên kỳ vọng đạt mức tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu.

***2.1. Kiến thức: Đạt trình độ A2***

***2.2. Kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh thông dụng trong một số ngữ cảnh tương đương trình độ A2***

***2.3. Thái độ, chuyên cần:***

Yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ lên lớp, có thái độ tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức cũng như tích cực thực hành các kỹ năng thực hành tiếng.

Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tích cực tự ôn tập lại kiến thức đã được học ở bậc phổ thông, chuẩn bi bài trước giờ lên lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên đảm trách lớp.

***2.3. Thái độ, chuyên cần:***

Yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ lên lớp, có thái độ tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức cũng như tích cực thực hành các kỹ năng thực hành tiếng.

Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tích cực tự ôn tập lại kiến thức đã được học ở bậc phổ thông, chuẩn bi bài trước giờ lên lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên đảm trách lớp.

**3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần** *(khoảng 150 từ)*

Tiếng Anh cơ bản là học phần bắt buộc đầu tiên trong 04 học phần môn tiếng Anh trong khung chương trình đào tạo của Học viện.

Học phàn này giúp sinh viên trau dồi khối lượng kiến thức ngữ pháp như các thời cơ bản trong tiếng Anh, các chức năng ngôn ngữ như chức năng giao tiếp trong môi trường làm việc như cách ứng xử nới công sở.

Cung cấp khối kiến thức từ vựng và các chủ đề theo định hướng tiếng Anh thương mại (business English) – các chủ đề liên quan đến môi trường doanh nghiệp: môi trường làm việc toàn cầu, thông tin về công ty, chức năng của các phòng ban trong công ty, sự kiện do công ty tổ chức, sản phẩm của công ty, v.v.

Cung cấp kiến thức về các chức năng ngôn ngữ như giới thiệu bản thân; ngôn ngữ dùng trong nhà hàng, khách sạn; lời đề nghị, cầu khiến; giải thích về một quy trình, vấn đề kỹ thuật; v.v.

Cung cấp một số tình huống thực tế liên quan đến môi trường làm việc qua đó giúp người học phát huy khả năng phân tích và giải quyết vấn đề thông qua phần Dilemma & Decision.

Cụ thể học phần này có những nội dung sau:

* Văn hóa công sở
* Hoạt dộng của công ty, phân tích một số các số liệu về hoạt động và kết quả hoạt động
* Thời trang và những đặc điểm riêng của ngành thời trang
* Thành công của doanh nghiệp
* Tương lai của doanh nghiệp

**4.** **Nội dung chi tiết học phần và phân bổ thời gian**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung***(Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)* | **Hình thức tổ chức giảng dạy học phần/môn học** |
| **Giờ lên lớp** | **SV tự nghiên cứu, tự học** |
| *Lý thuyết* | *Bài tập* | *Thảo luận nhóm* | *Thực hành, thí nghiệm, thực tập* | *Bài kiểm tra* | Tổng |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| Unit 1, 2, 3 | 4 | 3 | 2 |  |  | 9 | 2 |
| Unit 4, 5, 6 | 4 | 3 | 2 |  |  | 9 | 2 |
| Unit 7, 8, 9 | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 | 9 | 3 |
| Unit 10, 11, 12 | 4 | 3 | 2 | 1 |  | 9 | 2 |
| Unit 13, 14, 15 | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 | 9 | 3 |
| Ôn tập tổng hợp |  |  |  |  |  | 3 |  |

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Tài liệu chính***

“Irene Barral & Nikolas Barral (2008), **Intelligent Business - Elementary**, Pearson Education Limited”

***5.2. Tài liệu tham khảo:***

- David Grant & Robert McLarty (1995), Business Basics, Oxford University Press.

- Roger Barnard & Jeff Cady (2009), Business Venture 1 + 2, Oxford University Press

- Michael Duckworth (2010), Essential Business Grammar and Practice: Elementary to Pre-Intermediate, Oxford University Press

- (2014) Work On Your Grammar - Elementary (A1), Oxford University Press

- Kim Soyeong và Park Won (2012), Big Step Toeic 1, Nhan Tri Viet Co., Ltd. Vietnam

***5.3. Các Website:***

* [**https://www.youtube.com/watch?v=e7n2K5gR-rk**](https://www.youtube.com/watch?v=e7n2K5gR-rk)
* [**https://www.youtube.com/watch?v=FZd\_kdvDGEc**](https://www.youtube.com/watch?v=FZd_kdvDGEc)
* [**https://www.youtube.com/watch?v=WCBkFucgfTw**](https://www.youtube.com/watch?v=WCBkFucgfTw)
* [**https://learningenglish.voanews.com/**](https://learningenglish.voanews.com/)

**6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần**

Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng khi giảng dạy học phần (Khuyến khích sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực)

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm

- Phương pháp đóng vai (role play)

- Phương pháp thảo luận theo cặp (pair – work)

- Phương pháp thảo luận theo nhóm (group – work)

- Phương pháp thuyết trình (presentation)

**7. Yêu cầu đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học, tối thiểu trên 80% giờ lên lớp.

- Sinh viên cần làm đủ các bài tập về nhà do giáo viên giao bài

- Sinh viên chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo yêu cầu của giáo viên, giáo viên sẽ hướng dẫn chuẩn bị bài cụ thể trước mỗi buổi học.

- Không được vào lớp muộn quá giờ bắt đầu buổi học 5 phút.

- Trên lớp, thực hiện theo hướng dẫn chi tiết của giáo viên trong mỗi buổi học.

**8. Thang điểm đánh giá**

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, sau đó điểm đánh giá học phần sẽ được Ban Khảo thí và Quản lý chất lượng quy đổi sang thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định hiện hành để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

* Điểm đánh giá giữa kỳ: chiếm 30% điểm TBC học phần. Hình thức kiểm tra do giáo viên giảng dạy thực hiện, kiểm tra 04 kỹ năng, đề thi do giáo viên giảng dạy thiết kế.
* Điểm đánh giá hết học phần: chiếm 70% điểm TBC học phần. Hình thức kiểm tra đánh giá: kiểm tra kỹ năng Đọc – Viết – Nói. Ngân hàng đề thi do Bộ môn thiết kế.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

***9.1. Đối với học phần lý thuyết hoặc vừa lý thuyết vừa thực hành***

*9.1.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên:*

Có trọng số chung thực hiện theo quy định đào tạo hiện hành và phù hợp với từng chương trình đào tạo, bao gồm: các điểm đánh giá bộ phận (việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng bộ môn đã thông qua) như sau:

 - Điểm giữa kỳ: 30 **%: trong đó,**

**+** Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập: 20%

+ Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài tập: 5**%**

**+** Điểm chuyên cần: 5**%**

 - Điểm cuối kỳ: 70**%**

*9.1.2. Điểm thi kết thúc học phần:*

Điểm thi kết thúc học phần/môn học có trọng số thực hiện theo quy định đào tạo hiện hành và phù hợp với từng chương trình đào tạo,

 - Hình thức thi: Viết với 3 kỹ năng: Đọc, Viết và Nghe

 - Thời lượng thi: 60 phút

 - Sinh viên được tham khảo tài liệu hay không khi thi: Không sử dụng bất kỳ tài liệu nào

***9.2. Đối với học phần thực hành:***

 - Tiêu chí đánh giá các bài thực hành: *không có bài thực hành riêng mà phần thực hành thông qua các loại bài tập về từ vựng, ngữ pháp, bài thực hành đọc, nghe, viết và nói.*

 - Số lượng và trọng số của từng bài thực hành:

***9.3. Đối với học phần đồ án hoặc bài tập lớn*** (Có tiêu chí đánh giá, cách tính điểm cụ thể):

**10. Thông tin về giảng viên giảng dạy học phần (Phụ lục 1 kèm theo).**

**11. Ngày phê duyệt:** ………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của lãnh đạo Học viện**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Trưởng Bộ môn***(Ký và ghi rõ họ tên)* |  |

 Trần Thị Thu Nhung